

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 220/2024/DS-ST
Ngày 12 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hui và tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ký Bé Lại.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Tấn Thiên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 354/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, về việc "Tranh chấp hui" và "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" giữa:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962.

2. Ông Trần Thái N1, sinh năm 1964 (Có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: Ông Trần Thái N1, sinh năm: 1964 (Giấy ủy quyền 09/8/2024).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

2. Ông Bùi Minh T, sinh năm 1983 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R (G), xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thái N1 trình bày như sau:

Vào ngày 06/02/2024 âm lịch vợ chồng ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N có bán gạo cho vợ chồng bà Trần Thị Đ và ông Bùi Minh T ngụ tại ấp G, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau với số tiền là 19.575.000 đồng, khi bán gạo cho bà Đ và ông T thì ông N1 và bà N có làm hóa đơn do ông N1 và bà N giữ. Do có mối quan hệ là con gái nuôi của vợ chồng ông N1 và bà N nên khi bán gạo, ông N1 và bà N có cho bà

Đ và ông T nợ tiền gạo, qua thời gian khá lâu ông N1 và bà N có yêu cầu trả tiền gạo thì bà Đ và ông T nói bán tới đâu thì bị người ta lấy trừ tiền hụi hết không có tiền trả ông N1 và bà N. Đến ngày 09/3/2024 bà Đ có chuyển trả được 5.000.000 đồng, đến ngày 10 tháng 06 năm 2024 chuyển khoản trả tiếp là 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 7.000.000 đồng, còn nợ lại là 12.575.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 06/06/2021, vợ chồng ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N có chơi 01 dây hụi do ông Bùi Minh T mở, loại hụi 1.000.000 đồng mỗi tháng khui một lần, hụi 30 chung, vợ chồng ông N1 và bà N tham gia 01 chung hụi, trong giấy hụi do vợ ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N đứng tên. Vợ chồng ông N1 và bà N đóng hụi cho đến 06/8/2023 được 26 lần bà N bỏ thăm hốt hụi, khi trúng hụi, ông T nói hụi bẻ rồi, còn 04 hụi viên trong đó có 01 phần hụi của bà N, ông T cho tổ chức bóc thăm để chung hụi. Trong biên bản ngày 06/3/2024, ông T có hứa trả tiền hụi cho "Mẹ Gạo" là vợ ông, bà Nguyễn Thị N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến hết số tiền hụi là 26.000.000 đồng.

Nay ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án huyện Phú Tân giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Đ trả cho ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 38.575.000 đồng (nợ tiền gạo là 12.575.000 đồng, nợ tiền hụi là 26.000.000 đồng).

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 11/5/2024 cho đến ngày vụ án xét xử xong, tại phiên tòa, ông N1 thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu trả 38.575.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ông N1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Bùi Minh T trả dần tiền hụi mỗi tháng 2.000.000 đồng mà yêu cầu ông T phải trả một lần.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Minh T trình bày:**

Ông T thừa nhận vợ ông là bà Trần Thị Đ có mua gạo của ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N, ông T nghe bà Đ nói là còn thiếu ông N1, bà N 19.575.000 đồng, đã trả được 02 lần bằng 7.000.000 đồng, còn nợ lại 12.575.000 đồng. Ông T đồng ý cùng bà Đ trả cho ông N1, bà N số tiền nợ tiền gạo là 12.575.000 đồng.

Đối với số tiền hụi, ông T thừa nhận ông có làm chủ hụi, dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, mở ngày 06/6/2021, hụi có 30 phần, bà N có tham gia 01 phần đã đóng được 26 lần hụi sống, sau đó ông tuyên bố đình hụi. Hiện ông còn nợ ông N1, bà N 26 lần hụi bằng 26.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông N1, bà N 26.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng vào ngày 12 hàng tháng, trả đến khi hết tiền nợ hụi.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trần Thị Đ không tham gia, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp giao dịch dân sự; ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Đ là bị đơn, có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không tham dự phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ.

[3] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

[3.1] Xét giao dịch hui giữa vợ chồng ông Trần Thái N1, bà Nguyễn Thị N với ông Bùi Minh T. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận chơi hui giữa ông N1, bà N, với ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên hòa giải ngày 02/8/2024, bị đơn ông T thừa nhận còn nợ tiền hui ông N1, bà N số tiền là 26.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường quy định về nghĩa vụ của chủ hui " 3. *Giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ; 4. Nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Căn cứ vào điều luật viện dẫn trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao tiền hui cho hui viên, do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền nợ hui cho nguyên đơn là phù hợp.

Ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ hiện vẫn còn là vợ chồng, tiền hui mà ông T nợ ông N1, bà N là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, yêu cầu của ông N1, bà N buộc ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ cùng trả cho ông bà số tiền nợ hui là 26.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Đối với ông Bùi Minh T yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ nhưng tại phiên tòa ông N1 không đồng ý, do đó yêu cầu của ông T không được chấp nhận.

[4] Xét tranh chấp mua bán tài sản (mua bán gạo). Vào ngày 06/02/2024 ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N có bán gạo cho vợ chồng ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Đ, ông T, bà Đ còn thiếu ông N1, bà N 12.575.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 08 năm 2024, ông T thừa nhận vợ ông bà Trần Thị Đ có thiếu tiền mua gạo của ông N1, bà N và đồng ý cùng bà Đ trả cho ông N1, bà N 12.575.000 đồng tiền mua gạo. Do đó, yêu cầu của ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N buộc ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ trả cho ông bà số tiền 12.575.000 đồng tiền mua gạo là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với bà Đ, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ nhưng bà Đ không cung cấp lời khai, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định " 2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể*

hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" do đó, bà Đ phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 38.575.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N số tiền 38.575.000 đồng.

[5] Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Trần Thái N1 thay đổi yêu cầu, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn không phải chịu, ông N1, bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí; bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 143, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hụi, biên, phường.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N số tiền hụi là: 38.575.000 đồng.

Kể từ ngày ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Đ không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Đ phải nộp số tiền là 1.928.750 đồng (chưa nộp).

Ông Trần Thái N1 và bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Bình

